

Số: 22 /BC.QLCS

Vĩnh cửu, ngày 15 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác quản lý giá công sản trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2023

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;
Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

1. Kê khai hiện trạng nhà, đất:

STT	Tên đơn vị/Tên cơ sở nhà/ Địa chỉ nhà đất báo cáo	Đất (m2)	Nhà (m2)	Hiện trạng sử dụng hiện nay	Ghi chú
		1.138.496,35	128.059,54		
1	Văn phòng UBND huyện				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An	17.773,100	1.624,66	Trụ sở làm việc	
	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		312,50	Trụ sở làm việc	Trong UBND huyện
	Nhà công vụ				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		195,00	Trụ sở làm việc	Trong UBND huyện
2	Phòng Lao động - TBXH				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		52,00	Trụ sở làm việc	Trong UBND huyện
3	Thanh tra huyện				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		170,00	Trụ sở làm việc	Trong UBND huyện
4	Phòng Kinh tế - Hạ tầng				

-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		65,00	Trụ sở làm việc	Trong UBND huyện
5	Phòng NN & PTNN				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		67,80	Trụ sở làm việc	Trong UBND huyện
6	Phòng Văn hóa và Thông tin				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		80,00	Trụ sở làm việc	
7	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		454,50	Trụ sở làm việc	
8	Ban Quản lý dự án				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An		454,50	Trụ sở làm việc	
9	Phòng Nội vụ + Kho lưu trữ (Trung tâm lưu trữ)				
-	KP 2, thị trấn Vĩnh An	788,00	334,00	Trụ sở làm việc	
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
	KP 2, thị trấn Vĩnh An	1.474,10	371,05	Trụ sở làm việc	
11	Phòng TN và MT				
-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	6.200,00	483,10	Trụ sở làm việc	
12	Phòng Tư pháp				
-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	999,70	641,70	Trụ sở làm việc	
13	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	2.200,00	362,00	Trụ sở làm việc	
14	Trung tâm văn hóa TT-TT và Thể thao				
-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	15.878,50	1.313,28	Trụ sở làm việc	
	Đài Truyền thanh				
-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	3.408,80	329,94	Hoạt động sự nghiệp	
-	Thư viện				
-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	5.670,20	1.264,00	Trụ sở làm việc	
15	Trung tâm GDTX-GDNN huyện (Trung tâm dạy nghề cũ)				

-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	9.424,00	822,50	Trụ sở làm việc	Trước đây là trung tâm dạy nghề
-	Xã Thạnh Phú	1.386,00	520,00	Trụ sở làm việc	
16	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	427.499,00	310,50		
-	Trụ sở làm việc Ấp 1, xã Tân An	1.078,00	310,50	Trụ sở làm việc	
-	Trạm bơm Tân An	683,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Thiện Tân 1	1.067,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Thiện Tân 2	311,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Lợi Hòa	2.712,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Bình Hòa	1.767,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Tân Triều	112,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Trị An	1.285,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Hồ Mo Nang	418.484,00		Hoạt động sự nghiệp	
17	UBND Thị trấn Vĩnh An	19.736,30	3.506,67		
-	Trụ sở UBND cũ KP 5, TT Vĩnh An	1.195,80	379,23	Trụ sở làm việc	
-	Trụ sở UBND KP 5, TT Vĩnh An	4.846,00	595,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà quân sự TT Vĩnh An KP 5, TT Vĩnh An		184,00	Trụ sở làm việc	Cùng chung trụ sở UBND TT Vĩnh An
-	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa KP 5, TT Vĩnh An	218,20	218,00	Trụ sở làm việc	
-	Hội trường UBND KP 5, TT Vĩnh An	1.421,80	693,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 1 KP 1, TT Vĩnh An	2.498,70	175,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 2 KP 2, TT Vĩnh An	2.275,00	237,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 3 KP 3, TT Vĩnh An	1.200,60	120,00	Trụ sở làm việc	

-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	9.424,00	822,50	Trụ sở làm việc	Trước đây là trung tâm dạy nghề
-	Xã Thạnh Phú	1.386,00	520,00	Trụ sở làm việc	
16	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	427.499,00	310,50		
-	Trụ sở làm việc Ấp 1, xã Tân An	1.078,00	310,50	Trụ sở làm việc	
-	Trạm bơm Tân An	683,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Thiện Tân 1	1.067,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Thiện Tân 2	311,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Lợi Hòa	2.712,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Bình Hòa	1.767,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Tân Triều	112,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Trạm bơm Trị An	1.285,00		Hoạt động sự nghiệp	
-	Hồ Mo Nang	418.484,00		Hoạt động sự nghiệp	
17	UBND Thị trấn Vĩnh An	19.736,30	3.506,67		
-	Trụ sở UBND cũ KP 5, TT Vĩnh An	1.195,80	379,23	Trụ sở làm việc	
-	Trụ sở UBND KP 5, TT Vĩnh An	4.846,00	595,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà quân sự TT Vĩnh An KP 5, TT Vĩnh An		184,00	Trụ sở làm việc	Cùng chung trụ sở UBND TT Vĩnh An
-	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa KP 5, TT Vĩnh An	218,20	218,00	Trụ sở làm việc	
-	Hội trường UBND KP 5, TT Vĩnh An	1.421,80	693,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 1 KP 1, TT Vĩnh An	2.498,70	175,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 2 KP 2, TT Vĩnh An	2.275,00	237,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 3 KP 3, TT Vĩnh An	1.200,60	120,00	Trụ sở làm việc	

-	Nhà văn hóa Khu phố 4 KP 4, TT Vĩnh An	1.275,00	175,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 5 KP 5, TT Vĩnh An	122,50	175,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 6 KP 6, TT Vĩnh An	237,80	147,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 7 KP 7, TT Vĩnh An	1.351,00	163,44	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Khu phố 8 KP 8, TT Vĩnh An	2.400,00	165,00	Trụ sở làm việc	
-	Hội Cựu chiến binh	693,90	80,00		
18	UBND Xã Phú Lý	27.803,80	2.921,00		
-	Trụ sở UBND Ấp 1, xã Phú Lý	7.916,00	791,00	Trụ sở làm việc	
-	Trung tâm VH TT-HTCĐ Ấp 1, xã Phú Lý	9.194,00	750,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp 1 Ấp 1, xã Phú Lý	1.763,00	210,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp 2 Ấp 2, xã Phú Lý	1.910,00	140,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp 3 Ấp 3, xã Phú Lý	2.663,00	150,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp 4 Ấp 4, xã Phú Lý	1.500,00	140,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Lý Lịch 1 Ấp Lý Lịch 1, xã Phú Lý	309,20	150,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Lý Lịch 2 Ấp Lý Lịch 2, xã Phú Lý	400,00	140,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Cây Cày	1.300,00	150,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Bình Chánh Ấp Bình Chánh, xã Phú Lý	604,00	150,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Bàu Phụng Ấp Bàu Phụng, xã Phú Lý	244,60	150,00	Trụ sở làm việc	
19	UBND Xã Mã Đà	7.919,00	1.118,34		
-	Trụ sở UBND Ấp 1, xã Mã Đà	1.959,00	416,34	Trụ sở làm việc	
-	Trụ sở Công an xã	1.957,00	352,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp 1 Ấp 1, xã Mã Đà	642,00	175,00	Trụ sở làm việc	

-	Nhà văn hóa ấp 2 Ấp 2, xã Mã Đà	3.361,00	175,00	Trụ sở làm việc	
20	UBND Xã Vĩnh Tân	10.514,00	2.909,90		
-	Trụ sở UBND Ấp 1, xã Vĩnh Tân	4.819,00	789,00	Trụ sở làm việc	
-	Trụ sở CA xã Ấp 1, xã Vĩnh Tân	541,00	511,00	Trụ sở làm việc	
-	Trung tâm VH TT-HTCĐ Ấp 1, xã Vĩnh Tân	1.149,70	626,50	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 1 Ấp 1, xã Vĩnh Tân	468,00	163,40	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 2 Ấp 2, xã Vĩnh Tân	430,00	164,40	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 3 Ấp 3, xã Vĩnh Tân	500,00	165,40	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 4 Ấp 4, xã Vĩnh Tân	432,00	163,40	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 5 Ấp 5, xã Vĩnh Tân	1.018,10	163,40	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 6 Ấp 6, xã Vĩnh Tân	1.156,20	163,40	Trụ sở làm việc	
21	UBND Xã Hiếu Liêm				
-	UBND xã Ấp 3, xã Hiếu Liêm	26.132,00	1.168,50	Trụ sở làm việc	
22	UBND Xã Trị An	20.517,70	1.853,30		
-	Trụ sở UBND Ấp 1, Xã Trị An	9.694,70	687,30	Trụ sở làm việc	
-	Trung tâm VH TT-HTCĐ Ấp 1, xã Trị An	10.023,00	641,00	Trụ sở làm việc	
-	Trụ sở CA xã Ấp 1, xã Trị An	500,00	350,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp 2 Ấp 2, xã Trị An	300,00	175,00	Trụ sở làm việc	
-	Sân chơi Ấp 2, xã Trị An	360,00	112,24		Trước đây là mảnh non trị an - cơ sở 2 bỏ trống lâu năm, nhà hư hỏng
23	UBND Xã Tân An	14.971,20	3.059,10		

-	Trụ sở UBND Ấp 2, xã Tân An	5.657,00	1.025,00	Trụ sở làm việc	
-	Trung tâm VH TT-HTCĐ Ấp 2, xã Tân An	6.616,00	871,60	Trụ sở làm việc	
-	Nhà truyền thông dân số Ấp Bình Trung, xã Tân An	205,00	58,50	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 1 Ấp 1, xã Tân An	360,00	144,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 2 Ấp 2, xã Tân An	270,00	160,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 3 Ấp 3, xã Tân An	648,00	160,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Bình Chánh Ấp Bình Chánh, xã Tân An	413,70	160,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Bình Trung Ấp Bình Trung, xã Tân An	182,50	160,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Thái An Ấp Thái An, xã Tân An	360,00	160,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa ấp Cây Xoài Ấp Cây Xoài, xã Tân An	259,00	160,00	Trụ sở làm việc	
24	UBND Xã Thiện Tân	22.620	2.080		
-	Trụ sở UBND Ấp 6-7, xã Thiện Tân	3.392,60	183,24	Trụ sở làm việc	
-	Văn phòng Ấp 6-7 Ấp 6-7, xã Thiện Tân	1.896,30	60,00	Trụ sở làm việc	
-	Công an xã Ấp 6-7, xã Thiện Tân	1.179,30	356,55	Trụ sở làm việc	
-	Văn phòng Ấp vàm Ấp Vàm, Xã Thiện Tân	1.894,30	60,00	Trụ sở làm việc	
-	Hội trường cũ Ấp 6-7, xã Thiện Tân	7.297,00	352,00	Trụ sở làm việc	
-	Trung tâm văn hóa Ấp 6-7, xã Thiện Tân	6.960,40	1.068,00	Trụ sở làm việc	
25	UBND Xã Thạnh Phú	42.943,00	2.581,00		
-	Trụ sở UBND Ấp 2, xã Thạnh Phú	11.417,00	667,00	Trụ sở làm việc	
-	Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Ấp 2, xã Thạnh Phú	15.810,00	696,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 1 Ấp 1, xã Thạnh Phú	1.107,00	153,00	Trụ sở làm việc	

-	Nhà văn hóa Ấp 2 Ấp 2, xã Thạnh Phú	691,00	153,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 3 Ấp 3, xã Thạnh Phú	4.616,00	153,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 4 Ấp 4, xã Thạnh Phú	700,00	153,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 5 Ấp 5, xã Thạnh Phú	6.586,00	153,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 6 Ấp 6, xã Thạnh Phú	1.316,00	153,00	Trụ sở làm việc	
-	Nhà văn hóa Ấp 7 Ấp 7, xã Thạnh Phú	700,00	300,00	Trụ sở làm việc	
-	Sân chơi				
26	UBND Xã Bình Lợi	9.901,80	2.006,60		
-	Trụ sở UBND Ấp 3, xã Bình Lợi	2.923,70	981,70	Trụ sở làm việc	
	Nhà văn hóa ấp 1	806,20	162,80	Trụ sở làm việc	
	Nhà văn hóa ấp 2	1.200,60	159,80	Trụ sở làm việc	
	Nhà văn hóa ấp 4	784,00	161,10	Trụ sở làm việc	
	Nhà văn hóa ấp 5	1.981,00	161,20	Trụ sở làm việc	
	Trung tâm Văn hóa xã	2.206,30	380,00	Trụ sở làm việc	
27	UBND Xã Tân Bình	8.881,85	1.408,00		
-	Trụ sở UBND Ấp Bình Phước, xã Tân Bình	2.538,25	670,00	Trụ sở làm việc	
-	Văn phòng ấp Bình Lục Ấp Bình Lục, xã Tân Bình	174,00	30,00	Trụ sở làm việc	
-	Văn phòng ấp Bình Ý Ấp Bình Ý, xã Tân Bình	491,00	50,00	Trụ sở làm việc	
-	Hội trung ấp Vĩnh Hiệp Ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình	110,00	100,00	Trụ sở làm việc	
-	Văn phòng ấp Bình Phước Ấp Bình Phước, xã Tân Bình	122,60	60,00	Trụ sở làm việc	
-	Trung tâm văn hóa Ấp Tân Triều, xã Tân Bình	5.446,00	498,00	Trụ sở làm việc	
28	UBND Xã Bình Hòa	817,90	617,90		
-	Trụ sở UBND	688,30	488,30	Trụ sở làm việc	

-	Trụ sở Công An	129,60	129,60	Trụ sở làm việc	
29	THCS Lê Quý Đôn				
-	Cơ sở 1 KP 5, TT. Vĩnh An	22.889,70	2.993,50	Hoạt động sự nghiệp	Hiện đang xây dựng mẫu giáo Cây Gáo, lấn chiếm 1.800m2
30	Trường THCS Lê Quý Đôn				
-	Cơ sở 2 KP 5, TT. Vĩnh An	6.300,00	1.892,27	Hoạt động sự nghiệp	Điều chuyển từ TT GDTX sang
31	THCS Võ Trường Toản				
-	Áp Thới Sơn, xã Bình Hòa	14.370,00	4.371,38	Hoạt động sự nghiệp	
32	THCS Thạnh Phú	19.821,40	4.350,50		
-	Cơ sở 1 Áp 2, xã Thạnh Phú	4.030,60	2.181,50	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Áp 2, xã Thạnh Phú	15.790,80	2.169,00	Hoạt động sự nghiệp	
33	THCS Thiện Tân				
-	Áp 6, 7, xã Thiện Tân	14.374,90	2.399,66	Hoạt động sự nghiệp	
34	THCS Tân An				
-	Áp 2, xã Tân An	14.463,00	4.193,00	Hoạt động sự nghiệp	
35	THCS Hiếu Liêm	10.297,00	981,70		
-	Cơ sở 1 Áp 1, xã Hiếu Liêm	9.612,00	854,54	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Áp 1, xã Hiếu Liêm	685,00	127,16	Hoạt động sự nghiệp	
36	THCS Mã Đà	14.522,50	2.178,59		
-	Cơ sở chính Áp 1, xã Mã Đà	5.216,00	1.325,59	Hoạt động sự nghiệp	
-	Phân hiệu Cây Sung Áp 3, xã Mã Đà	2.728,50	210,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Phân hiệu Bà Hào Áp 5, xã Mã Đà	4.632,90	210,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Phân hiệu Suối Tượng Áp 4, xã Mã Đà	445,10	210,00	Hoạt động sự nghiệp	

-	Phân hiệu C3 Ấp 4, xã Mã Đà	1.500,00	223,00	Hoạt động sự nghiệp	
37	THCS Vĩnh Tân	6.628,00	1.943,55		
-	Cơ sở chính Ấp 4, xã Vĩnh Tân	5.327,00	1.678,95	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Xã Vĩnh Tân	1.301,00	264,60	Hoạt động sự nghiệp	
38	THCS Vĩnh An				
-	KP 6, thị trấn Vĩnh An	17.524,00	9.900,00	Hoạt động sự nghiệp	Bị lấn chiếm 3.024 m2
39	THCS Nguyễn Du				
-	Ấp 1, xã Trị An	14.007,00	1.731,11	Hoạt động sự nghiệp	
40	TH Bình Lợi	9.547,00	1.684,37		
-	Cơ sở 1 Ấp 3, xã Bình Lợi	7.264,00	1.202,49	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Ấp 5, xã Bình Lợi	2.283,00	481,88	Hoạt động sự nghiệp	
41	TH Tân Phú	4.231,00	1.039,01		
-	Cơ sở ấp 6 Ấp 6, xã Thạnh Phú	1.439,00	626,01	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở ấp 5 Ấp 5, xã Thạnh Phú	2.792,00	413,00	Hoạt động sự nghiệp	
42	TH Thạnh Phú				
-	Ấp 2, xã Thạnh Phú	5.150,00	1.409,36	Hoạt động sự nghiệp	
43	TH Hiếu Liêm				
-	Ấp 3, xã Hiếu Liêm	8.968,00	672,00	Hoạt động sự nghiệp	
44	TH Bình Hòa	4.147,00	1.059,09		
-	Cơ sở 1 Ấp Bình Thạch, xã Bình Hòa	2.936,00	682,85	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Ấp Thới Sơn, xã Bình Hòa	1.211,00	376,24	Hoạt động sự nghiệp	
45	TH Tân Triều	11.518	1.510		

-	Cơ sở chính	8.746,00	1.040,25	Hoạt động sự nghiệp	
-	Phân hiệu Vĩnh Hiệp	779,00	72,24	Bỏ trống	
-	Phân hiệu Bình Lục	1.610,00	325,02	Hoạt động sự nghiệp	Hiện cho UBND xã tạm mượn làm văn phòng áp
-	Phân hiệu Thành Đức	383,00	72,24	Bỏ trống	
46	TH Thiện Tân	11.376,00	926,29		
-	Cơ sở 2	3.169,00	234,66	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 1	8.207,00	691,63	Hoạt động sự nghiệp	
47	TH Tân An	14.877,00	989,99		
-	Cơ sở 1 Áp Bình Chánh, Tân An	5.520,00	518,46	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Áp 2, xã Tân An	8.058,00	310,50	Hoạt động sự nghiệp	Nhà nước đã thu hồi 595
-	Cơ sở 3 Áp Cây Xoài, xã Tân An	1.299,00	161,03	Hoạt động sự nghiệp	
48	TH Cây Gáo A	9.940	2.200		
-	Cơ sở 1 KP5, TT Vĩnh An	7.367,80	1.721,27	Hoạt động sự nghiệp	Bị lấn chiếm 250 m2
-	Cơ sở 2 KP7, TT Vĩnh An	2.571,90	478,26	Hoạt động sự nghiệp	
49	TH Cây Gáo B	13.391,60	828,13		
-	Cơ sở 1 KP3, TT Vĩnh An	9.330,60	274,05	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 KP4, TT Vĩnh An	4.061,00	554,08	Hoạt động sự nghiệp	
50	TH Trị An	3.087	960		
-	Cơ sở 1 Áp 1, xã Trị An	2.918	847,84	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Áp 2, xã Trị An	169,00	112,24	Hoạt động sự nghiệp	Bị lấn chiếm đã cấp sổ đỏ cho dân
51	TH Vĩnh Tân				

-	Áp 4, xã Vĩnh Tân	4.742,00	1.496,45	Hoạt động sự nghiệp	
52	TH Sông Mây				
-	Áp 6, xã Vĩnh Tân	1.689,00	547,64	Hoạt động sự nghiệp	
53	TH Bàu Phụng	11.518,20	1.776,61		
-	Cơ sở 1 Áp 4, xã Phú Lý	2.096,00	666,64	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 3 Áp Bàu Phụng, xã Phú Lý	4.177,00	553,68	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Áp 4, xã Phú Lý	557,00	115,85	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 4 Áp Cây Cầy, xã Phú Lý	213,00	68,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 5 Áp 4, xã Phú Lý	800,20	116,44	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 6 Áp 7, xã Mã Đà	3.675,00	256,00	Hoạt động sự nghiệp	
54	TH Phú Lý	13.146,00	2.173,48		
-	Cơ sở ấp Lý Lịch 1	1.271,00	205,32	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở ấp 1	7.240,00	1.398,18	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở ấp 3	2.910,00	211,28	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 1, ấp 1	1.725,00	358,70	Hoạt động sự nghiệp	
55	TH Chu Văn An	66.689,40	17.417,35		
-	Cơ sở chính	18.096,00	10.000,00	Hoạt động sự nghiệp	Chưa có giấy CN QSD đất
56	TH Kim Đồng	8.940,40	2.404,54		
-	Phân hiệu 1 KP 2, thị trấn Vĩnh An	3.778,20	751,54	Hoạt động sự nghiệp	
-	Phân hiệu 2 KP 1, thị trấn Vĩnh An	5.162,20	1.653,00	Hoạt động sự nghiệp	09 tình trạng đang xây dựng
57	MN Phong Lan				
-	KP 8, thị trấn Vĩnh An	20.128,00	2.787,00	Hoạt động sự nghiệp	
58	MN Cây Gáo	20.839	2.391		

-	KP 2, thị trấn Vĩnh An (cơ sở chính mới)	18.216,00	2.024,30	Hoạt động sự nghiệp	chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
-	Cơ sở 1 KP 2, thị trấn Vĩnh An	1.309,00	201,51	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 KP 1, thị trấn Vĩnh An	313,80	92,73	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 3 KP 6, thị trấn Vĩnh An	1.000,00	72,00	Hoạt động sự nghiệp	lấn chiếm, có 01 hộ dân sinh sống
59	MN Vĩnh Tân	3.384,00	672,36		s
-	Cơ sở 1 Ấp 4, xã Vĩnh Tân	2.284,00	557,84	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Ấp 3, xã Vĩnh Tân	1.100,00	114,52	Hoạt động sự nghiệp	
60	MN Mã Đà	12.568,50	3.428,51		
	Cơ sở chính Ấp 1, xã Mã Đà	2.677,00	580,59		Đã chuyển sang cơ sở mới, đã bàn giao cho THCS Mã Đà
-	Cơ sở chính Ấp 1, xã Mã Đà	8.670,90	2.040,19	Hoạt động sự nghiệp	CS Mới Có CNSĐĐ
-	Phân hiệu Bà Hào Ấp 5, xã Mã Đà	793,00	430,40	Hoạt động sự nghiệp	Chưa có CN SĐĐ.
-	Phân hiệu Cây Sung Ấp 3, xã Mã Đà	807,00	258,91	Hoạt động sự nghiệp	Chưa có CN SĐĐ
-	Phân hiệu Suối Trầu Ấp 6, xã Mã Đà	273,20	182,40	Hoạt động sự nghiệp	Chưa có CN SĐĐ
-	Phân hiệu C3 Ấp 4, xã Mã Đà	522,00	219,86	Hoạt động sự nghiệp	Chưa có CN SĐĐ
-	Phân hiệu Suối Boon Ấp 4, xã Mã Đà	1.502,40	296,75	Hoạt động sự nghiệp	Có CNSĐĐ
61	MN Hiếu Liêm	9.220,00	970,15		
-	Cơ sở ấp 3	2.770,00	583,15	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở ấp 4	2.550,00	110,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở ấp 1	1.500,00	165,00	Hoạt động sự nghiệp	

-	Phân trường 2 ấp 4	2.400,00	112,00	Hoạt động sự nghiệp	
62	MN Thạnh Phú	4.932,00	1.139,96		
-	Cơ sở 1 - ấp 2	3.033,00	1.003,33	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 - ấp 5	1.899,00	136,63	Hoạt động sự nghiệp	
63	MN Tân An	1.181,00	319,02		
-	Cơ sở 1 Ấp Thái An, xã Tân An	221,00	96,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Ấp Cây Xoài, xã Tân An	960,00	223,02	Hoạt động sự nghiệp	
64	MN Trị An	7.016	1.869		
-	Cơ sở 1 Ấp 1, xã Trị An	2.032,00	792,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Ấp 2, xã Trị An	4.984,20	1.077,40	Hoạt động sự nghiệp	chưa có CNQSDĐ
65	MN Tân Bình	4.737,00	1.372,11		
-	Cơ sở chính Ấp Bình Phước, xã Tân Bình	3.257,00	1.145,27	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 4 Ấp Bình Ý, xã Tân Bình	814,00	91,80	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 3 Ấp Bình Ý, xã Tân Bình	666,00	135,04	Hoạt động sự nghiệp	
66	MN Thiện Tân	11.968	2.313		
-	Cơ sở 1 Ấp Vàm, xã Thiện Tân	1.435	631	Hoạt động sự nghiệp	Đang chờ hoàn tất bàn giao
-	Cơ sở 2 Ấp Ông Hường, Thiện Tân	1.529	197	Hoạt động sự nghiệp	Đang chờ hoàn tất bàn giao
	Cơ sở chính Ấp 6-7, Thiện Tân	9.004	1.485	Hoạt động sự nghiệp	Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Ban quản lý dự án đang làm thủ tục đổi tên
67	MN Hòa Mĩ				

-	Áp 5, xã Thạnh Phú	7.167,00	2.676,24	Hoạt động sự nghiệp	
68	MN Bình Lợi	4.009,00	1.586,67		
-	Cơ sở 1 - Áp 3, xã Bình Lợi	1.400,00	634,70	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 3 Áp 1, xã Bình Lợi	673,00	75,44	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2 Áp 5, xã Bình Lợi	823,00	541,93	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 4 Áp 4, xã Bình Lợi	438,00	106,60	Hoạt động sự nghiệp	
-	Nhà trẻ Áp 3, xã Bình Lợi	675,00	228,00	Hoạt động sự nghiệp	
69	MN Bình Hòa	3.810,00	97,00		
-	Cơ sở 1, ấp Bình Thạch	300,00	97,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở 2, ấp Bình Thạch	3.510,00		Đất trống	Xin giữ lại
70	MN Phú Lý	9.479,00	1.675,50		
-	Cơ sở ấp 1, cơ sở chính	7.542,00	1.483,50	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở ấp 2	1.276,00	48,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở ấp 4	48,00	48,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở Lý lịch 2	258,00	48,00	Hoạt động sự nghiệp	
-	Cơ sở ấp Cây Cày	355,00	48,00	Hoạt động sự nghiệp	

Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng kê khai cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn huyện quản lý đã hoàn thành báo cáo kê khai: 70/70 đơn vị.

Tổng diện tích nhà được Nhà nước giao quản lý, sử dụng: **126.835,54 m²**.

Tổng diện tích đất được giao: **1.137.110,35 m²**.

2. Tài sản là xe ô tô.

+ Xe phục vụ chức danh: 01 xe, 05 chỗ ngồi nhãn hiệu Toyota Altis, biển số 60A-011.79 (Nước SX: VN-Nhật; Năm SX:2015; Năm SD:2016; Nguyên giá: 812.780.220đồng).

+ Xe phục vụ công tác: 01 xe, 08 chỗ ngồi nhãn hiệu Toyota Inova, biển số 60A-003.44 (Nước SX: VN-Nhật; Năm SX:2015; Năm SD:2016; Nguyên giá: 868.384.220đồng).

+ Xe chuyên dùng trong công tác tuyên truyền: 01 xe, 05 chỗ ngồi nhãn hiệu Ford, biển số 60F-1869 (Nước SX: VN-Mỹ; Năm SX:2008; Năm SD:2009; Nguyên giá: 544.032.000đồng).

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của huyện Vĩnh Cửu đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành đến nay là 01 chiếc (Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện) theo Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh, số ô tô phục vụ công tác là 02 chiếc (UBND huyện) theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP, số lượng xe ô tô không vượt quá tiêu chuẩn định mức của Chính phủ.

3. Tài sản cố định theo dõi theo sổ sách kế toán trong năm 2022.

3.1. Tài sản theo sổ sách kế toán của các trường học.

a. Khối Mầm non. Tổng nguyên giá: 18.605.025.000 đ.

Cụ thể:

1.	MN Bình Hòa	:	1.076.000.000
2.	MN Tân Bình	:	217.600.000
3.	MN Bình Lợi	:	689.918.000
4.	MN Thạnh Phú	:	1.346.976.000
5.	MN Họa Mĩ	:	1.437.000.000
6.	MN Thiện Tân	:	428.800.000
7.	MN Tân An	:	399.695.000
8.	MN Trị An	:	1.804.259.000
9.	MN Hiếu Liêm	:	358.495.000
10.	MN Mã Đà	:	1.991.000.000
11.	MN Phú Lý	:	562.569.000
12.	MN Vĩnh Tân	:	3.812.000.000
13.	MN Sơn Ca	:	3.875.000.000
14.	MN Phong Lan	:	605.713.000

b. Khối Tiểu học. Tổng nguyên giá: 19.491.645.000 đ.

Cụ thể:

1	TH Bình Hòa	:	1.569.000.000
2	TH Tân Triều	:	1.802.000.000
3	TH Bình Lợi	:	Không theo dõi, không cung cấp sổ tài sản
4	TH Thạnh Phú	:	648.690.000
5	TH Tân Phú	:	1.359.858.000
6	TH Chu Văn An	:	863.686.000
7	TH Thiện Tân	:	259.070.000
8	TH Tân An	:	31.357.000
9	TH Trị An	:	959.424.000
10	TH Hiếu Liêm	:	667.736.000

11	TH Phú Lý	:	1.589.995.000
12	TH Bàu Phụng	:	331.474.000
13	TH Cây gáo B	:	1.516.260.000
14	TH Cây gáo A	:	3.510.000.000
15	TH Kim Đồng	:	1.725.943.000
16	TH Vĩnh Tân	:	1.139.839.000
17	TH Sông Mây	:	1.517.313.000

c. Khối THCS: Tổng nguyên giá: 36.300.431.000 đ.

Cụ thể:

1.	THCS Võ Trường Toản	:	4.731.818.000
2.	THCS Thạnh Phú	:	4.069.058.000
3.	THCS Thiện Tân	:	4.426.535.000
4.	THCS Tân An	:	3.387.533.000
5.	THCS Nguyễn Du	:	2.345.309.000
6.	THCS Hiếu Liêm	:	2.339.000.000
7.	THCS Lê Quý Đôn	:	4.409.109.000
8.	THCS Vĩnh An	:	5.964.930.000
9.	THCS Vĩnh Tân	:	1.896.745.000
10.	THCS Mã Đà	:	2.730.394.000

**3.2. Tài sản theo sổ sách kế toán của các cơ quản lý nhà nước huyện.
Tổng nguyên giá: 7.736.456.200 đ.**

Cụ thể:

1.	VP. HĐND&UBND huyện	:	1.752.000.000
2.	Phòng Tư Pháp	:	315.390.000
3.	Phòng Thanh Tra	:	407.460.000
4.	Phòng Tài chính - KH	:	1.261.000.000
5.	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	:	318.138.000
6.	Phòng Tài nguyên và MT	:	883.089.000
7.	Phòng NN&PTNT	:	426.920.000
8.	Phòng Giáo Dục và Đào tạo	:	1.093.461.000
9.	Phòng Nội vụ	:	503.783.000
10.	Phòng LĐTB&XH	:	255.639.200
11.	Phòng Văn hóa và Thông tin	:	360.976.000
12.	Phòng Y tế	:	158.600.000

3.3. Tài sản theo sổ sách kế toán của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện. Tổng nguyên giá: 11.042.058.000 đ.

Cụ thể:

1.	Ban Quản lý dự án huyện	:	747.500.000
----	-------------------------	---	-------------

2.	Trung tâm VH TT và TT	:	4.381.336.000
3.	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	:	746.185.000
4.	Trung tâm GDTX-GDNN	:	4.780.000.000
5.	Trung tâm PTQĐ	:	387.037.000

3.4. Tài sản các hội, đoàn thể thuộc UBND huyện Vĩnh Cửu. Tổng nguyên giá: 398.355.000 đ.

Cụ thể: 06 hội gồm: Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin, Hội Chiến sĩ CMBĐBTĐ, Hội người mù, Hội chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội khuyến học.

+ Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin: Tổng nguyên giá: 78.200.000 đ.

+ Hội Chiến sĩ CMBĐBTĐ: Tổng nguyên giá: 27.880.000 đ.

+ Hội người mù: Tổng nguyên giá: 89.050.000 đ.

+ Hội chữ thập đỏ: Tổng nguyên giá: 45.755.000 đ.

+ Hội Người cao tuổi: Tổng nguyên giá: 56.600.000 đ.

+ Hội khuyến học: Tổng nguyên giá: 100.870.000 đ.

3.1. Tài sản theo sổ sách kế toán của UBND các xã, thị trấn Vĩnh An. Tổng nguyên giá: 10.456.911.000 đ.

Cụ thể:

1.	UBND xã Phú Lý	:	1.280.829.000
2.	UBND xã Mã Đà	:	1.906.689.000
3.	UBND xã Hiếu Liêm	:	579.000.000
4.	UBND xã Trị An	:	Không theo dõi tài sản theo sổ sách kế toán
5.	UBND xã Tân An	:	1.244.000.000
6.	UBND xã Thiện Tân	:	1.185.000.000
7.	UBND xã Thạnh Phú	:	852.532.000
8.	UBND xã Bình Lợi	:	2.038.503.000
9.	UBND xã Tân Bình	:	315.079.000
10.	UBND xã Bình Hòa	:	304.110.000
11.	UBND xã Vĩnh Tân	:	1.115.365.000
12.	UBND xã TT Vĩnh An	:	888.804.000

4. Tài sản là đất công trên địa bàn huyện quản lý (Số liệu do phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp).

Tổng số đất do UBND các xã quản lý là 930 thửa. Trong đó:

+ Đã kê khai đăng ký được 270/930 thửa

+ Chưa kê khai đăng ký: 660 thửa.

- Nguyên nhân:

+ Đang tranh chấp, chưa xác định rõ nguồn gốc: 127 thửa

- + Bị các hộ dân lấn, chiếm: 269 thửa
- + UBND xã chưa kê khai đăng ký, xác nhận nguồn gốc đất, đang đo đạc lập bản vẽ hiện trạng: 156 thửa
- + Đã kê khai hồ sơ đăng ký chuyển Phòng TNMT xét hồ sơ: 27 thửa (gồm Thiện Tân 17 thửa, Bình Hòa 10 thửa;).
- + Có 81 thửa ao hồ, sông suối không thực hiện kê khai.

Kết quả thực hiện rà soát đất đai

Đơn vị tính: thửa

ST T	Tên Xã	Tổng số thửa theo Phương án được phê duyệt	Tổng số thửa theo kết quả rà soát	Đã hoàn thành	Kết quả thực hiện công tác lập thủ tục đất đai						
					Trong đó		Tranh chấp	Lấn chiếm	Vướng mắc chưa thực hiện được	Trong đó	
					Rà soát cấp GCN	Đăng ký quản lý				Rà soát cấp GCN	Đăng ký quản lý
	Tổng	1.068	1.056	313	43	270	127	269	347	83	264
1	Bình Hòa	53	37	07	00	07	12	02	16	04	12
2	Tân Bình	43	34	05	00	05	00	03	26	13	13
3	Bình Lợi	54	44	35	06	29	02	00	07	00	07
4	Thạnh Phú	61	76	29	04	25	01	00	46	06	40
5	Thiện Tân	85	67	30	05	25	17	00	20	01	19
6	Tân An	38	61	11	00	11	00	00	50	12	38
7	Trị An	63	57	15	00	15	00	20	22	06	16
8	Hiếu Liêm	347	341	14	01	13	10	224	93	09	84
9	Phú Lý	45	44	21	14	07	01	04	18	15	03
10	Mã Đà	45	47	34	00	34	00	03	10	04	06
11	Vĩnh Tân	21	18	05	00	05	01	00	12	10	02
12	TT Vĩnh An	213	230	107	13	94	83	13	27	03	24

5. Công tác Quản lý giá, định giá tài sản và công tác khác.

Hàng tháng cập nhật thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện để làm cơ sở cho Sở Tài chính – Sở Xây dựng ban hành giá vật liệu xây dựng trên toàn tỉnh.

Phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị bán thanh lý, đấu giá, tài sản theo thẩm quyền. Tham gia cùng Tòa án và Thi hành án huyện định giá các tài sản kê biên, cưỡng chế, tranh chấp, ly hôn... theo Quyết định của Tòa án, THA huyện.

Định giá tài sản trong tố tụng hình sự theo yêu cầu của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu.

Theo dõi tham mưu quản lý tài sản là nhà, đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn huyện.

Tham gia tổ kiểm đếm thực hiện bồi thường, tổ thẩm định bồi thường các dự án trên địa bàn huyện.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện ban hành Quyết định xây dựng quy chế quản lý sử dụng tài sản, tình hình quản lý tài sản Nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản Nhà nước.

- Tham gia các thành viên theo quyết định thành lập đoàn của UBND huyện và công việc đột xuất do trưởng phòng phân công.

6. Bán đấu giá tài sản.

- Bán vật tư tháo dỡ, thu hồi thuộc các công trình nâng cấp, cải tạo hệ thống chiếu sáng trên các tuyến đường ĐT 767 (từ km 7+350 đến km 16+754) và tuyến đường ĐT 768 (từ km9+050 đến km 21+000) và công trình duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2022. Với số tiền bán được là: **50.000.000 đ.**

- Bán vật tư thu hồi từ dự án nâng cấp sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Tân An và dự án xây dựng sân bóng đá kết hợp khu thể thao xã Tân An. Với số tiền bán được là: **14.000.000 đ.**

- Bán Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được bàn giao từ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Với số tiền bán được là: **12.500.000 đ.**

- Bán Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu được bàn giao từ Công an huyện Vĩnh Cửu. Với số tiền bán được là: **27.200.000 đ.**

- Bán tài sản là xe mô tô, gắn máy bị tịch thu được bàn giao từ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Với số tiền bán được là: **50.000.000 đ.**

- Bán vật tư tháo dỡ, thu hồi thuộc các dự án sửa chữa, thay thế hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện. Với số tiền bán được là: **22.000.000 đ.**

7. Những thuận lợi, khó khăn và giải pháp khắc phục

Trong thời gian kiểm tra đa số các cơ quan, đơn vị đã được UBND huyện hướng dẫn ban hành Quyết định xây dựng quy chế quản lý sử dụng tài sản, thực hiện tốt Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, các Nghị định, Thông tư, Nghị quyết HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn liên quan, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản cơ bản đảm bảo đúng phương thức, tiêu chuẩn, định mức; không có trường hợp mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

Kết quả công khai, minh bạch về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện công khai quản lý, sử dụng tài sản công theo các biểu mẫu tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Trong năm 2023, công tác quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện đã được chú trọng và dần đi vào nề nếp. Tuy nhiên, vẫn

còn có một số đơn vị chưa nghiêm túc thực hiện kiểm kê, theo dõi, quản lý, hạch toán và kê khai đăng ký tài sản nhà nước chưa đầy đủ theo quy định.

Nhìn chung trong thời gian qua, công tác quản lý, sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, đất, nhà gắn liền với đất của các đơn vị trên địa bàn huyện được thực hiện khá nghiêm túc, chặt chẽ Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh UBND huyện thực hiện trong công tác báo cáo tăng giảm hàng năm tương đối kịp thời.

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu ở trên, vẫn còn một số hạn chế nhất định như sau:

Trong năm qua một số đơn vị thụ hưởng Ngân sách trên địa bàn huyện chưa thực hiện tốt báo cáo tăng giảm tài sản hàng năm, thực hiện còn chậm so với yêu cầu, do đó việc tổng hợp báo cáo đôi khi còn chưa đúng với thời gian quy định.

Một số ít đơn vị chưa nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác quản lý tài sản, chưa nắm bắt kịp thời về số lượng và giá trị tài sản của đơn vị mình quản lý; chấp hành chưa đầy đủ các chế độ báo cáo tài sản nhà nước và hạch toán tài sản theo chế độ quy định, công tác quản lý hồ sơ liên quan đến tài sản của các đơn vị còn nhiều thiếu sót, gây khó khăn cho việc tổng hợp báo cáo. Cụ thể khi tiếp nhận tài sản từ chủ đầu tư dự án không yêu cầu chủ đầu tư cung cấp nguyên giá, giá trị tài sản để hạch toán theo dõi, do đó làm chậm trễ trong công tác báo cáo tài sản.

Kiến nghị, đề xuất UBND huyện chỉ đạo một số nội dung như sau:

- Chỉ đạo UBND xã Trị An, Trường Tiểu học Bình Lợi thực hiện nghiêm việc theo dõi, quản lý tài sản và báo cáo theo đúng quy định.

- Đề nghị Chủ đầu tư dự án khi tổ chức bàn giao cho đơn vị sử dụng phải bàn giao hồ sơ quản lý liên quan đến tài sản về nguyên giá, số lượng để đơn vị thụ hưởng theo dõi và tổng hợp báo cáo.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Quản lý công sản trong năm 2023. phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo UBND huyện./.

Nơi nhận :

- UBND huyện;
- Lãnh đạo phòng;
- Lưu VT, QLCS.

- D:\DULIEU 2023\BAOCAO.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Gia Song